

Số: /2022/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC  
PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG  
CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU  
QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020 TRÊN ĐỊA  
BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA ....., KỶ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật, Hàng năm, vào kỳ họp cuối năm Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 3 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC, TP, LĐ-TB&XH, TT và TT, NN&PTNT; - TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh ST;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH****Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương  
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình  
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025  
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2022/NQ-HĐND ngày ....tháng 3 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Các sở, ngành liên quan, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (dưới đây gọi tắt là sở, ngành và các địa phương).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trong đó, ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

### **Điều 3. Những quy định cụ thể**

#### **1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

a. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

c. Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố.

d. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

#### **2. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

+ Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các tiêu chí cụ thể: Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ: Theo đúng định mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

+ Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương.

#### **2. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

\* Các tiêu chí cụ thể:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm hệ số</b>
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 5%	0,1
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	

Tiêu chí	Điểm hệ số
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,1
4. Tiêu chí 4: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$B_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$B_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng các hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

### 3. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Dự án 3)

\* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 5%	0,1

Tiêu chí	Điểm hệ số
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,1
4. Tiêu chí 4: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$B_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho đơn vị cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

$Q$  là vốn bình quân cho một đơn vị cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

#### 4. Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3)

\* Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,1
2. Tiêu chí 2: Tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Từ 13 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	0,3
Từ 10 đơn vị đến 12 đơn vị cấp xã	0,2
Dưới 10 đơn vị hành chính cấp xã	0,1
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
- Dưới 10%	0,1
- Từ 10% đến dưới 15%	0,2
- Từ 15% đến 20%	0,3
- Từ trên 20%	0,4

\* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:  $D_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$

Trong đó:

$D_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện/thị xã/thành phố thứ  $i$

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và đơn vị hành chính cấp xã.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 2 (Dự án 3) của Chương trình.

**5. Tiểu dự án 1 (Dự án 4): Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

- Các tiêu chí cụ thể:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Điểm hệ số</b>
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 5%	0,1
- Từ 5% đến dưới 11%	0,2
- Từ 11% đến dưới 15%	0,3
- Từ 15% đến dưới 20%	0,4
- Từ 20% trở lên	0,5
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TX, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,1
- Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,2
- Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,3
- Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,4
- Từ 5.000 hộ trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
- Mỗi xã	0,1
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh học nghề trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 600 người/năm	0,1
Từ 600 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,2
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:  $E_i = Q \cdot X_i$ ; trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và tiêu chí số lượng tuyển sinh hằng năm.

$Q$  là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách tỉnh phân bổ để thực hiện Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.



## **6. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Dự án 4)**

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

## **7. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Dự án 4)**

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

## **8. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (Dự án 6)**

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

## **9. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Dự án 6)**

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

## **10. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

Hàng năm, căn cứ vào mức vốn được trung ương phân bổ và văn bản hướng dẫn sử dụng của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao cho Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện nguồn vốn của dự án này theo các quy định hiện hành.

## **Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách của huyện, thị xã, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

Các huyện, thị xã bố trí vốn đối ứng tối thiểu 10% tổng vốn được tỉnh giao để thực hiện Chương trình